

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Thủy,
Thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Qui định phân công, phân cấp về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch xây dựng và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định

phân công, phân cấp về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch xây dựng và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2557/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 03/08/2018 về việc phê duyệt Quy hoạch chung thị xã Ba Đồn, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 25/5/2012 của UBND huyện Quảng Trạch về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Quảng Thủy, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 09/06/2020 của UBND thị xã Ba Đồn về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Thủy, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình;

Xét đề nghị của Phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số 04/TTr-QLĐT ngày 10/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Thủy, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Thủy, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

2.1. Vị trí, phạm vi ranh giới: Khu vực quy hoạch chung xây dựng xã là toàn bộ phạm vi địa giới hành chính xã Quảng Thủy, thị xã Ba Đồn có ranh giới xác định như sau:

- Phía Bắc giáp xã Quảng Tân;
- Phía Nam giáp xã Quảng Sơn;
- Phía Đông giáp xã Quảng Hòa và Quảng Lộc;
- Phía Tây giáp xã Quảng Trung;

2.2. Quy mô lập quy hoạch: Ranh giới xã Quảng Thủy khoảng 277,18 ha.

3. Thời hạn quy hoạch. Đồ án quy hoạch được xác định trong thời hạn từ 2022 đến năm 2030. Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025, giai đoạn dài hạn đến năm 2030.

4. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:

4.1. Mục tiêu quy hoạch:

- Rà soát đồ án Quy hoạch nông thôn mới xã Quảng Thủy để điều chỉnh và bổ sung các khu vực chức năng nhằm phù hợp với định hướng của đồ án Quy hoạch chung thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình;

- Lập Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Thủy, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình đảm bảo hợp lý về sử dụng đất và đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với các khu vực lân cận;

- Làm cơ sở pháp lý cho việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng, quản lý xây dựng, kiểm soát phát triển theo quy hoạch.

4.2. Tính chất, chức năng của xã:

- Quy hoạch chung xây dựng xã phù hợp với đường lối chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của xã nói riêng và của thị xã Ba Đồn nói chung giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã Ba Đồn.

- Triển khai, cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của xã đến năm 2025.

- Theo tiềm năng và định hướng phát triển kinh tế xã hội xã Quảng Thủy được định hướng kinh tế chủ đạo của xã là nông nghiệp kết hợp tiểu thủ công nghiệp.

5. Quy mô dân số theo từng giai đoạn phát triển:

- Dân số hiện trạng: Toàn xã có 2.066 người;

- Đến năm 2025: Toàn xã có 2.168 người;

- Đến năm 2030: Toàn xã có 2.323 người.

6. Định hướng tổ chức không gian xã:

6.1. Vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, thôn:

- *Khu trung tâm xã:* Khu trung tâm xã quy hoạch tại vị trí thôn Nam Thủy, Thượng Thủy trên trục đường liên xã quy hoạch rộng 28m. Vị trí này có địa thế đẹp, thuận tiện giao thông.

- *Các công trình thể thao, văn hóa:*

+ Các công trình thể thao phục vụ chung toàn xã bố trí tại khu trung tâm xã như: sân vận động.

+ Xây dựng mới nhà văn hoá xã tại khu trung tâm.

+ Nhà văn hóa và sân thể thao của các thôn giữ tại vị trí hiện trạng, mở rộng, xây dựng bổ sung các hạng mục và trang bị thiết bị.

+ Đất cây xanh hành lang: bố trí xung quanh đường sắt.

- *Khu y tế:*

+ Trạm Y tế xã được giữ nguyên vị trí, mở rộng chỉnh trang.

+ Bệnh viện vùng Nam: Quy hoạch vị trí mới nằm trên trục đường 28m liên xã, phía Bắc khu dân cư thôn Thượng Thủy.

- *Các khu trường học:* Các trường học giữ nguyên vị trí và quy mô như hiện nay. Bố trí các phòng chức năng phục vụ công tác giảng dạy, chỉnh trang khuôn viên, tạo không gian xanh, thân thiện, môi trường học tập tốt cho con em trên địa bàn học hành.

- *Các khu, cụm, điểm công nghiệp:* Quy hoạch cụm tiểu thủ công nghiệp được bố trí cách xa khu dân cư và nằm ở cuối phía Bắc của xã với diện tích khoảng 5,19ha.

- *Khu thương mại dịch vụ:* Bố trí các điểm dịch vụ thương mại, trên trục đường chính quy hoạch rộng 28m (đoạn Quảng Sơn đi Quảng Trung).

- *Các khu sản xuất nông nghiệp:* Tiếp tục triển khai sản xuất lúa trên diện tích canh tác hiện trạng của nhân dân, khu vực thuộc phần đất chuyển đổi vẫn tiến hành sản xuất, khi thực hiện dự án tiến hành đền bù theo quy định của nhà

nước. Đảm bảo quyền lợi của người dân.

- *Khu nghĩa trang, nghĩa địa*: Duy trì, chỉnh trang khu vực nghĩa trang hiện tại với diện tích đất nghĩa trang khoảng 7,21ha.

6.2. Chỉ tiêu, hình thức kiến trúc cho từng loại đất ở khu dân cư mới và cải tạo tại các khu dân cư hiện hữu

Dân cư hiện hữu được hình thành và phát triển chủ yếu dọc theo các trục đường giao thông chính của địa phương phần lớn đã ổn định và tập trung, vì vậy phát triển mạng lưới điểm dân cư trên quan điểm:

- Giữ gìn và tạo mới không gian mở, hướng nhìn, điểm nhìn xung quanh các nhà thờ, nhà văn hóa, sân thể thao công cộng (hạn chế sử dụng hàng rào cứng, dùng sân lát gạch thuận lợi cho sử dụng, phủ cây xanh bóng mát) phục vụ cho giao lưu cộng đồng. Tạo sự hấp dẫn cho các công trình tiếp giáp để trở thành trung tâm dịch vụ, sinh hoạt trong khu dân cư.

- Không gian quy hoạch: Trên nền tảng không gian bản sắc truyền thống hiện hữu, lấy không gian công cộng sinh hoạt cộng đồng làm hạt nhân (sân lễ hội, thể dục thể thao, nhà trẻ, trường học, trạm y tế...), tổ chức các không gian thôn, làng, xóm xung quanh và gắn với không gian vùng sản xuất nông nghiệp.

- Đối với cảnh quan khu dân cư: cải tạo chỉnh trang tại các thôn trên cơ sở hiện có, tăng cường mật độ cây xanh tại các khu vực đất trống, các công trình xây mới theo kiến trúc truyền thống địa phương. Xây dựng nhà ở sử dụng vật liệu địa phương, mật độ xây dựng thấp, nhà có nhiều cây xanh.

- Nhà ở: Không gian nhà ở tổ chức phù hợp đặc điểm sản xuất của hộ gia đình, kinh tế vườn, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, làm dịch vụ ... trong phạm vi đất được giao. Khuyến khích nhà ở theo mô hình trang trại. Đây là mô hình phù hợp với sản xuất nông nghiệp ở quy mô hộ gia đình, trong đó nhà ở gắn với các hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản... sẽ tạo ra sự phát triển song song đồng bộ của các khu dân cư gắn với khu vực nông nghiệp, nhờ vậy duy trì được quỹ đất sản xuất nông nghiệp cho địa phương.

- Thôn xóm bố trí dọc theo đường giao thông chính, giao thông ngõ xóm bố trí vuông góc với đường chính để đảm bảo thuận lợi giao thông và quản lý của các cụm dân cư.

- Các công trình công cộng trong thôn xóm như Nhà văn hóa, Trường học... như hiện trạng có chỉnh trang nâng cấp cho phù hợp.

- Bảo vệ các công trình, cảnh quan có giá trị như cây xanh, bến nước...

- Đối với đất xây dựng nhà ở: Xây dựng các khu dân cư theo hướng tập trung, tiết kiệm chi phí xây dựng công trình hạ tầng, tận dụng các khu đất xen kẽ, đất canh tác có năng suất thấp, đất trống chưa sử dụng.

- Quy hoạch khu dân cư mới trên địa bàn toàn xã: Theo quy hoạch chung Thị xã Ba Đồn các điểm dân cư mới được bố trí như sau:

+ Bố trí điểm dân cư mới thôn Xuân Thủy dọc theo tuyến đường 28m Quảng Sơn đi Quảng Trung, diện tích 0,87ha;

+ Bố trí điểm dân cư mới phía Tây thôn Nam Thủy và thôn Thượng Thủy, diện tích 7,86ha;

- + Bố trí điểm dân cư mới phía Đông thôn Trung Thủy, thôn Đông Bắc; dọc theo tuyến đường 23m Quảng Thủy đi Quảng Hòa, diện tích 21,44ha;
- + Bố trí các điểm dân cư mới, liền kề với khu vực dân cư hiện hữu, tạo kết nối và đồng bộ với khu vực dân cư hiện trạng, phù hợp nhu cầu thực tế và hiện trạng sử dụng đất.

7. Phân khu chức năng và cơ cấu sử dụng đất đến năm 2030:

7.1. Phân khu chức năng:

- Đất nông nghiệp bao gồm: Đất trồng lúa; đất nuôi trồng thủy sản; đất trồng cây hàng năm; đất rừng sản xuất.
- Đất xây dựng bao gồm:
 - + Các khu ở gồm có: Hiện trạng khu dân cư (khu ở cũ được cải tạo chỉnh trang) và nhóm nhà ở mới.
 - + Đất công cộng: đất nhà văn hóa, đất giáo dục, đất trụ sở cơ quan, y tế, chợ.
 - + Đất cây xanh, thể dục, thể thao.
 - + Đất di tích, tín ngưỡng.
 - + Đất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.
 - + Đất xây dựng các chức năng khác: đất nông nghiệp khác.
 - + Đất xử lý chất thải.
 - + Đất giao thông.
 - + Đất nghĩa địa.
 - + Đất khác: bao gồm đất ao hồ, sông suối, mặt nước.

7.2. Bảng tổng hợp sử dụng đất:

STT	Loại đất	Kí hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ chiếm đất (%)
TỔNG CỘNG DIỆN TÍCH ĐẤT			277,18	100,00
I	ĐẤT NÔNG NGHIỆP		124,03	44,75
1	ĐẤT TRỒNG LÚA		80,96	0,36
1.1	ĐẤT TRỒNG LÚA BẢO TỒN	LUABT	72,27	
1	Đất trồng lúa bảo tồn 1	LUABT1	3,93	
2	Đất trồng lúa bảo tồn 2	LUABT2	3,39	
3	Đất trồng lúa bảo tồn 3	LUABT3	9,10	
4	Đất trồng lúa bảo tồn 4	LUABT4	14,17	
5	Đất trồng lúa bảo tồn 5	LUABT5	12,57	
6	Đất trồng lúa bảo tồn 6	LUABT6	9,51	
7	Đất trồng lúa bảo tồn 7	LUABT7	4,62	
8	Đất trồng lúa bảo tồn 8	LUABT8	4,34	
9	Đất trồng lúa bảo tồn 9	LUABT9	6,48	
10	Đất trồng lúa bảo tồn 10	LUABT10	0,64	
11	Đất trồng lúa bảo tồn 11	LUABT11	3,52	

1,2	ĐẤT TRỒNG LÚA ĐƯỢC PHÉP CHUYỂN ĐỔI	LUCĐ	8,69	
1	Đất trồng lúa được phép chuyển đổi 1	LUCĐ1	2,16	
2	Đất trồng lúa được phép chuyển đổi 2	LUCĐ2	1,70	
3	Đất trồng lúa được phép chuyển đổi 3	LUCĐ3	3,53	
4	Đất trồng lúa được phép chuyển đổi 4	LUCĐ4	1,30	
2	ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN	NTS	4,27	0,72
1	Đất nuôi trồng thủy sản 1	NTS1	0,39	
2	Đất nuôi trồng thủy sản 2	NTS2	1,14	
3	Đất nuôi trồng thủy sản 3	NTS3	1,59	
4	Đất nuôi trồng thủy sản 4	NTS4	1,15	
3	ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM	BHK	4,40	
1	Đất trồng cây hàng năm 1	BHK1	0,72	
2	Đất trồng cây hàng năm 2	BHK2	1,00	
3	Đất trồng cây hàng năm 3	BHK3	2,68	
4	ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT	RSX	34,40	
	Đất rừng sản xuất	RSX1	34,40	
II	ĐẤT XÂY DỰNG		147,76	53,31
1	ĐẤT Ở		87,69	0,36
1,1	ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG	OHT	57,52	0,40
	Đất ở hiện trạng 1	OHT1	6,22	
	Đất ở hiện trạng 2	OHT2	2,88	
	Đất ở hiện trạng 3	OHT3	4,84	
	Đất ở hiện trạng 4	OHT4	5,46	
	Đất ở hiện trạng 5	OHT5	2,54	
	Đất ở hiện trạng 6	OHT6	3,88	
	Đất ở hiện trạng 7	OHT7	6,93	
	Đất ở hiện trạng 8	OHT8	4,32	
	Đất ở hiện trạng 9	OHT9	2,57	
	Đất ở hiện trạng 10	OHT10	3,03	
	Đất ở hiện trạng 11	OHT11	6,17	
	Đất ở hiện trạng 12	OHT12	6,47	
	Đất ở hiện trạng 13	OHT13	2,21	
1,2	ĐẤT NHÓM NHÀ Ở MỚI	OM	30,17	0,43
	Đất nhóm nhà ở mới 1	OM1	0,87	
	Đất nhóm nhà ở mới 2	OM2	3,55	
	Đất nhóm nhà ở mới 3	OM3	4,31	
	Đất nhóm nhà ở mới 4	OM4	1,32	
	Đất nhóm nhà ở mới 5	OM5	6,09	
	Đất nhóm nhà ở mới 6	OM6	2,98	
	Đất nhóm nhà ở mới 7	OM7	5,15	
	Đất nhóm nhà ở mới 8	OM8	5,90	

2	ĐẤT CÔNG CỘNG		7,62	0,72
2,1	ĐẤT NHÀ VĂN HÓA	NVH	1,31	0,76
1	Đất nhà văn hóa thôn Xuân Thủy	NVH1	0,22	
2	Đất nhà văn hóa thôn Thượng Thủy	NVH2	0,25	
3	Đất nhà văn hóa thôn Trung Thủy	NVH3	0,25	
4	Đất nhà văn hóa thôn Nam Thủy	NVH4	0,06	
5	Đất nhà văn hóa thôn Đông Bắc	NVH5	0,28	
6	Đất quy hoạch nhà văn hóa Trung Tâm	NVH6	0,25	
2,2	ĐẤT GIÁO DỤC	GD	1,68	0,79
1	Trường Tiểu học, THCS xã Quảng Thủy	GD1	1,34	
2	Trường Mầm non xã Quảng Thủy	GD2	0,34	
2,3	ĐẤT TRỤ SỞ CƠ QUAN, Y TẾ, CHỢ	CC	4,63	0,83
1	UBND xã Quảng Thủy	CC1	0,25	
2	Bưu điện xã	CC2	0,03	
3	Chợ xã Quảng Thủy	CC3	0,19	
4	Đất trạm Y tế xã	CC4	0,21	
5	Đất bệnh viện vùng Nam	CC5	3,60	
6	Đất trụ sở Công an	CC6	0,20	
7	Đất Quốc phòng	CC7	0,15	
3	ĐẤT CÂY XANH, THỂ DỤC, THỂ THAO	CX	3,49	1,08
1	Đất thể dục thể thao xã	CX1	0,89	
2	Đất sân thể thao thôn	CX2	0,06	
3	Đất cây xanh hành lang	CX3	2,54	
4	ĐẤT DI TÍCH, TÍN NGƯỠNG	DDT,TIN	0,73	1,44
	Đất tín ngưỡng	TIN	0,73	
5	ĐẤT TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP, LÀNG NGHỀ	TTCN	5,19	1,80
	Đất Tiểu thủ công nghiệp (Làng nghề)	TTCN1	5,19	
6	ĐẤT XÂY DỰNG CÁC CHỨC NĂNG KHÁC		1,73	2,16
	Đất Nông nghiệp khác	NHK	1,73	
7	ĐẤT XỬ LÝ CHẤT THẢI	DBR	0,15	2,53
8	ĐẤT GIAO THÔNG	GT, TL	33,95	2,89
9	ĐẤT NGHĨA ĐỊA	NTD	7,21	3,25
1	Đất nghĩa địa Cổ Bà	NTD1	3,27	
2	Đất nghĩa địa Sác Còm	NTD2	2,53	
3	Đất nghĩa địa Cồn Hồng	NTD3	1,30	
4	Nghĩa trang liệt sỹ	NTD4	0,11	
III	ĐẤT KHÁC		5,39	1,94
1	ĐẤT AO HỒ, SÔNG SUỐI, MẶT NƯỚC	SMN	5,39	0,36
1	Đất sông suối mặt nước 1 (Hói Trường)	SMN1	4,20	
2	Đất sông suối mặt nước 2	SMN2	0,99	
3	Đất sông suối mặt nước 3	SMN3	0,20	

8. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối trong phạm vi xã.

8.1. Quy hoạch phát triển hệ thống giao thông:

- Tuyến đường cao tốc Bắc Nam đi ngang xã Quảng Thủy với chiều dài 1.600m, mặt cắt quy hoạch rộng 70m bao gồm mặt đường cao tốc, mái taluy và hệ thống đường gom; mặt đường cao tốc bao gồm 04 làn chính và 02 làn dừng đỗ khẩn cấp.

- Định hướng quy hoạch tuyến đường rộng 36,0m làm trục ngang chính của khu vực theo hướng Đông đi xã Quảng Lộc, theo hướng Tây đi xã Quảng Trung (mặt đường rộng 2x9,5m, dải phân cách rộng 5,0m, vỉa hè đường rộng 2x6,0m).

+ Định hướng 02 tuyến đường 28m cơ cấu vỉa hè rộng 2,0m; mặt đường rộng 2x8,0m; vỉa hè 2x5,0m. Đi xã Quảng Trung và xã Quảng Sơn;

+ Định hướng tuyến đường 23m cơ cấu mặt đường rộng 15,0m; vỉa hè 2x4,0m. Đi xã Quảng Hòa.

- Các khu vực quy hoạch mới, mạng lưới giao thông được bố trí cơ bản theo dạng ô vuông hình bàn cờ để tạo sự kết nối dễ dàng và liên tục, tạo sự thuận lợi trong vấn đề tiếp cận giao thông. Các khu vực cũ, trên nguyên tắc tôn trọng hiện trạng, cải tạo nâng cấp một số tuyến đường chính tạo thành mạng lưới liên hoàn đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển của đô thị đồng thời phục vụ tốt nhu cầu đi lại của nhân dân.

- Các tuyến đường nối các khu chức năng với nhau được quy hoạch với mặt cắt ngang rộng từ 5,5m đến 11,0m.

- Trong các khu dân cư cũ hiện có chỉ xoi đường, chỉnh trang và mở rộng hết khả năng có thể nhưng không phá vỡ và ảnh hưởng đến đền bù giải toả nhiều gây tốn kém và khó khăn trong quá trình thực hiện đầu tư.

8.2. Quy hoạch san nền, chuẩn bị kỹ thuật đất:

Định hướng san nền, chuẩn bị kỹ thuật đất dựa trên nguyên tắc: Thiết kế san nền đảm bảo không bị lầy lội vào mùa mưa; Kết hợp tốt giữa thoát nước theo mạng và thoát nước tự thấm tại chỗ; Tôn trọng hiện trạng và địa hình tự nhiên, giữ gìn bảo vệ lớp đất màu và cảnh quan hiện có; Khối lượng đào đắp ít nhất, cân bằng được khối lượng đào, đắp tại chỗ; Kinh phí cho công tác chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng thấp nhất.

8.3. Quy hoạch thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước được thiết kế trên cơ sở Quy hoạch chung đã được phê duyệt. Mạng lưới được chia thành các lưu vực thoát về Hố Trũng ở phía Bắc. Hệ thống mương thoát nước được duy trì và tổ chức mới nhằm đảm bảo tính kết nối, thoát nước nhanh và là yếu tố tạo cảnh quan, cải tạo điều kiện vi khí hậu.

8.4. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn nước cấp cho xã Quảng Thủy được lấy từ Hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch hiện có. Dự án đã thực hiện xong giai đoạn 1 với công suất 10.000 m³/ngày.đêm, cung cấp nước sạch cho 10 xã (xã Quảng Tiên, Quảng Trung, Quảng Tân, Quảng Hải, Quảng Thủy, Quảng Lộc, Quảng Hòa, Quảng Văn, Quảng Minh, Quảng Sơn). Nhà máy xử lý nước sạch số 1 được xây dựng

tại xã Quảng Sơn. Hệ thống đường ống cấp 1, cấp 2, các tuyến ống dịch vụ đã được đầu tư xây dựng.

- Mạng lưới cấp nước được thiết kế tuân thủ Quy hoạch chung thị xã Ba Đồn đã được phê duyệt trên cơ sở mạng lưới tuyến ống cấp nước chính hiện có. Tổ chức hoàn thiện các tuyến ống chính theo mạng vòng đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục, phục vụ sản xuất, sinh hoạt và cứu hỏa. Trên mạng lưới chính bố trí các hống cứu hỏa, đảm bảo bán kính phục vụ 150m. Hống cứu hỏa được bố trí tại các khu vực ngã 3,4...đảm bảo thuận tiện cứu hỏa khi có đám cháy xảy ra.

8.5. Quy hoạch Cấp điện :

Xây dựng hệ thống cấp điện theo yêu cầu an toàn của ngành điện, đảm bảo 100% được cấp điện thường xuyên và an toàn từ lưới điện quốc gia.

8.6. Quy hoạch Hạ tầng viễn thông :

Mạng thông tin di động phát triển theo hướng mở rộng vùng phủ sóng bằng các biện pháp lắp thêm trạm BTS đồng thời nâng cấp cấu hình các trạm, hướng đến cung cấp các dịch vụ đa phương tiện trên mạng di động.

8.7. Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

8.7.1. Quy hoạch Thoát nước thải:

- Trên cơ sở của bảng tổng hợp chức năng sử dụng đất, diện tích nghiên cứu, tính toán mạng lưới thoát nước thải của khu vực dựa trên tính toán nhu cầu cấp nước và được tính bằng 80% lượng nước cấp.

- Khu vực quy hoạch dùng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn, nước thải sẽ được thu gom theo hệ thống cống riêng biệt. Nước thải tự chảy theo các tuyến cống dọc đường. Hệ thống đường cống thoát nước bao gồm các cỡ đường kính D300mm và ống có áp D150mm (*chi tiết xem bản vẽ*).

- Trong phạm vi toàn xã, bố trí 02 trạm bơm nâng cốt công suất 300m²/ngđ để trung chuyển nước thải về trạm xử lý công suất 3.000m³/ng.đêm được đặt tại khu vực ruộng lúa thôn Phú Trích xã Quảng Lộc theo định hướng quy hoạch chung. Các trạm bơm được bố trí tại khu cây xanh, đất công viên, đảm bảo tiêu chuẩn cách ly vệ sinh môi trường.

8.7.2. Quy hoạch Quản lý Chất thải rắn (CTR): Tổ chức các đội vệ sinh môi trường thu gom, đảm bảo thu gom trên 95% rác thải sinh hoạt được vận chuyển CTR đến các điểm tập kết rác, các trạm trung chuyển CTR được quy định cụ thể. Sau đó theo kế hoạch định kỳ sẽ được xe vận chuyển về khu xử lý rác tập trung của thị xã Ba Đồn theo quy định.

8.7.3. Quy hoạch nghĩa trang:

- Đối với các khu nghĩa trang, nghĩa địa sát các khu dân cư trong bán kính dưới 500m cần quản lý vận động không tiếp tục chôn cất sau khi quy hoạch được duyệt, chỉ trồng cây xanh tạo môi trường cảnh quan xanh sạch đẹp; Các khu nghĩa trang cũ, hiện hữu đảm bảo các điều kiện được khoanh vùng và chỉnh trang, tổng diện tích khoảng 7,21ha.

- Nghĩa trang được xây dựng dải cây xanh cách ly đảm bảo vệ sinh, theo mẫu chung phù hợp với tập quán và tâm linh của nhân dân; có cổng, tường rào bao quanh và phân chia các khu vực mai táng cụ thể (hung táng, cát táng).

- Khuyến khích di dời các điểm nghĩa trang lẻ hiện có chuyển vào các khu vực Nghĩa trang quy hoạch tập trung.

Điều 2. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Thủy, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Điều 3. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 25/5/2012 của UBND huyện Quảng Trạch về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Quảng Thủy, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Quảng Thủy, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình).

Giao Phòng Quản lý đô thị thị xã Ba Đồn phối hợp với UBND xã Quảng Thủy tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch để các tổ chức và nhân dân biết và thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND & UBND thị xã, Trưởng các phòng: Quản lý đô thị, Tài nguyên & Môi trường, Tài chính- Kế hoạch, Kinh tế, Văn hóa thông tin; Chủ tịch UBND xã Quảng Thủy và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND Thị xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đoàn Minh Thọ